**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN LỊCH SỬ 9**

**Chủ đề 1: Các nước Á, Phi, Mĩ La Tinh**

1. **Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La Tinh**

**I. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.**

 **1. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.**

 + Phong trào đấu tranh được khởi đầu từ Đông Nam Á với những thắng lợi trong các cuộc đấu tranh giành chính quyền và tuyên bố độc lập ở các nước như In-đô-nê-xi-a (17/8/1945), Việt Nam (2/9/1945) và Lào (12/10/1945).

 + Phong trào tiếp tục lan sang các nước Nam Á, Bắc Phi, Mĩ La-tinh như ở Ấn Độ (1946-1950), Ai Cập (1952) và An-giê-ri (1954-1962),…

 - 1960 được gọi là “*Năm châu Phi*” với 17 nước ở lục địa này tuyên bố độc lập.

 - Ngày 1/1/1959, cuộc cách mạng nhân dân thắng lợi ở Cu Ba.

 + Kết quả là tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của CNĐQ về cơ bản đã bị bị sụp đổ.

 **2. Giai đoạn từ giữa những năm 1960 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX.**

 + Nội dung chính của giai đoạn này là thắng lợi của phong trào đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha, giành độc lập ở ba nước: Ghi-nê Bít-xao (1974), Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la (1975).

 **3. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX.**

 + Nội dung chính của giai đoạn này là cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai), tập trung ở 3 nước miền Nam châu Phi là: Rô-đê-di-a (1980), Tây Nam phi (1990) và Cộng hòa Nam phi (1993).

 + Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xóa bỏ và người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do khác

* Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa chủ nghĩa thực dân sụp đổ hoàn toàn.

 + Nhân dân châu Á, Phi, Mĩ La-tinh củng cố độc lập, xây dựng và phát triển đất nước để khắc phục đói nghèo.

 **II. Các nước châu Á.**

 **1.Tình hình chung**

 + Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập. Sau đó, hầu như trong suốt nửa sau thế kỉ XX, tình hình châu Á lại không ổn định (chiến tranh ở khu vực Đông Nam Á và Trung Đông; xung đột, li khai, khủng bố,…).

 + Một số nước châu Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Xin-ga-po,… Ấn Độ thực hiện cách mạng xanh trong nông nghiệp đạt nhiều thành tựu to lớn.

 **2. Trung Quốc.**

 **a Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:**

+ 1946-1949: diễn ra cuộc nội chiến

 + Ngày 01/10/1949, nước CHND Trung Hoa ra đời.

 + Ý nghĩa:

 - Kết thúc ách thống trị hơn 100 năm của ĐQ nước ngoài và hơn 1.000 năm của chế độ PK Trung Quốc.

 - Đưa nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

 - Hệ thống các nước XHCN được nối liền từ Âu sang Á.

 **b. Công cuộc cải cách mở cửa (từ 1978 đến nay).**

 + Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới với ***chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm xây dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.***

 + Sau hơn 20 năm cải cách - mở cửa, TQ đã thu được những thành tựu hết sức to lớn. nền kinh tế phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng lớn nhất thế giới (tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng TB hằng năm 9,6%, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần, đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt).

 + Về đối ngoại, TQ đã cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999). Uy tín và vị thế ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế

 ***Ý nghĩa:***

 - Khẳng định tính đúng đắn đường lối đổi mới của Trung Quốc.

 - Góp phần củng cố sức mạnh và địa vị của trung Quốc trên trường quốc tế.

 - Tạo điều kiện cho Trung Quốc hội nhập với thế giới trên tất cả các lĩnh vực

 **III. Các nước Đông Nam Á.**

 **1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945:**

 + **Trước năm 1945,** các nước Đông Nam Á, trừ Thái Lan, đều là thuộc địa của thực dân phương Tây.

 + **Sau năm 1945** và kéo dài hầu như trong cả nửa sau thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á diễn ra phức tạp và căng thẳng. Với các sự kiện tiêu biểu:

 - Nhân dân nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy giành chính quyền như ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào từ tháng 8 đến tháng 10/1945. Sau đó đến giữa những năm 50 của thế kỉ XX, hầu hết các nước trong khu vực đã giành được độc lập.

 - Từ năm 1950, trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, tình hình Đông Nam Á lại trở nên căng thẳng, chủ yếu do sự can thiệp của đế quốc Mĩ. Mĩ đã thành lập khối quân sự SEATO (1954) nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của CNXH và phong trào giải phóng dân tộc đối với Đông Nam Á; tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài tới 20 năm (1954 -1975).

 **2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN:**

- ***Hoàn cảnh:***

 + Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển, hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài...

 + **Ngày 8/8/1967**, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po).

 - ***Mục tiêu***: “***Tuyên bố Băng Cốc***” (8/1967) đã xác định mục tiêu hợp tác kinh tế, văn hóa, duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

 - ***Nguyên tắc***: “***Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á***” - ***Hiệp ước Ba-li*** (2/1976) xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên.

 + Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

 + Giải quyết mọi tranh chấp bằng phương pháp hoà bình.

 + Hợp tác cùng phát triển.

 + Từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, do “*vấn đề Cam-pu-chia*” quan hệ giữa các nước ASEAN và Đông Dương lại trở nên căng thẳng. Tuy nhiên, một số nền kinh tế có sự chuyển biến và tăng trưởng mạnh mẽ như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,...

 **3. Từ “*ASEAN 6*” phát triển thành “*ASEAN 10*”**

 + Sau Chiến tranh lạnh, nhất là khi “*vấn đề Cam-pu-chia*” được giải quyết, tình hình Đông Nam Á được cải thiện, các nước lần lượt gia nhập ASEAN:

Năm 1984, Bru-nây trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, thế giới bước vào thời kì sau "chiến tranh lạnh" và vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, tình hình chính trị Đông Nam Á được cải thiện. Xu hướng nổi bật là mở rộng thành viên ASEAN.

Ngày 28/7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.

Tháng 9/1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN.

Tháng 4/1999, Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của tổ chức này.

 + Với 10 nước thành viên, ASEAN trở thành 1 tổ chức khu vực ngày càng có uy tín với những hợp tác kinh tế (AFTA, 1992), hợp tác an ninh (Diễn đàn khu vực ARF, 1994) với sự tham gia của nhiều nước ngoài khu vực như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mĩ, Ấn Độ,...

 **IV. Các nước châu Phi.**

 **1. Tình hình chung :**

 - Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi, sớm nhất là ở Bắc Phi - nơi có trình độ phát triển hơn. Sau cuộc đảo chính lật đổ chế độ quân chủ, 18/6/1953 cộng hòa Ai Cập ra đời. Nhân dân An-giê-ri cũng tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành độc lập (1954 - 1962). Năm 1960 được gọi là “*Năm châu Phi*”, với 17 nước tuyên bố độc lập.

 - Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào xây dựng đất nước và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên, châu Phi vẫn nằm trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, thậm chí diễn ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu.

 - Để hợp tác, giúp đỡ nhau khắc phục xung đột và nghèo đói, tổ chức thống nhất châu Phi được thành lập, nay gọi là *Liên minh châu Phi* (AU).

 **2. Cộng hoà Nam Phi:**

 ***a. Khái quát:***

 - Nằm ở cực Nam châu Phi. Diện tích 1,2 triệu km2. Dân số 43,6 triệu người, trong đó 75,2% da đen. Năm 1961, Cộng hoà Nam Phi ra đời.

 ***b. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi:***

 - Trong hơn 3 thế kỷ, chính quyền thực dân da trắng thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc tàn bạo với người Nam Phi.

 - Dưới sự lãnh đạo của “*Đại hội dân tộc Phi*” (ANC), người da đen đấu tranh kiên trì chống chủ nghĩa A-pac-thai. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xóa bỏ.

 - Tháng 4/1994, Nen-xơn Man-đê-la được bầu và trở thành vị tổng thống người da đen đầu tiên ở Nam Phi.

 - Nhân dân Nam Phi đang tập trung sức phát triển kinh tế và xã hội nhằm xóa bỏ “*chế độ A-pac-thai*” về kinh tế.

 **V. Các nước Mĩ La-tinh.**

 **1. Những nét chung:**

 + Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh đã giành được độc lập từ những thập kỉ đầu thế kỷ XIX: Bra-xin, Vênêxuêla... Nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành sân sau của ĐQ Mĩ.

 + Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến, nhất là từ đầu những năm 60 đến những năm 80của TK XX, một cao trào đấu tranh đã diễn ra với mục tiêu dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Mĩ La Tinh được ví như “*Lục địa bùng cháy”*

 + Các nước Mĩ La-tinh đã thu được nhiều thành tựu trong củng cố độc lập dân tộc, cải cách dân chủ,… Tuy nhiên , ở một số nước có lúc đã gặp phải những khó khăn như: tăng trưởng kinh tế chậm lại, tình hình bất ổn do cạnh tranh quyền lực giữa các phe phái…

 - Hiện nay các nước Mĩ La-tinh đang tìm cách khắc phục và đi lên. Braxin và Mêhicô là 2 nước công nghiệp mới.

 **2. Cu-ba hòn đảo anh hùng:**

 **+ Khái quát**

 - Cu-ba nằm ở vùng biển Ca-ri-bê, hình dạng giống như con cá sấu. Diện tích: 111.000 km2, dân số: 11,3 triệu người (2002).

 **+ Phong trào cách mạng Cu-ba (1945 đến nay)**

 - Phong trào cách mạng:

 + Tháng 3/1952, Mĩ thiết lập chế đọ độc tài Ba-ti-xta.

 + Ngày 26/7/1953 Phi-đen Cát-xtơ-rô chỉ huy 135 thanh niên tấn công pháo đài Môn-a-đa. Thổi bùng ngọn lửa đấu tranh trên toàn đảo.

 + Tháng 11/1956 Phi-đen Cát-xtơ-rô cùng 81 đồng chí về nước tiếp tục chiến đấu.

 + Ngày 1/1/1959 chế độ độc tài bị lật đổ. Cách mạng giành thắng lợi.

 - Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước:

 + Thu được nhiều thắng lợi: Xây dựng được một nền công nghiệp đạt trình độ cao của thế giới.

 + Tháng 4/1961, đánh bại cuộc xâm lược của Mĩ tại biển Hi-rôn. Cu-ba tiến lên CNXH.

 - Hiện nay: Dù bị Mĩ cấm vận, Cu-ba vẫn kiên trì XDCNXH và đạt được nhiều thành tựu về công nghiệp, y tế, giáo dục, thể thao...

 - Quan hệ Việt Nam - Cu-ba: Luôn tốt đẹp.

 **+ Ý nghĩa:**

 - Mở ra kỉ nguyên mới với nhân dân Cu-Ba: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

 - Cu-Ba trở thành lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-Tinh

 - Cu-Ba cắm mốc đầu tiên của CNXH ở Tây bán cầu.

 **+ Mối quan hệ hữa nghị giữa nhân dân Cu-Ba với nhân dân Việt Nam:**

 - Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta, Phi-den Ca-xtơ-rô là nguyên thủ nước ngoài duy nhất đã vào tuyến lửa Quảng Trị để động viên nhân dân ta.

 - Bằng trái tim và tình cảm chân thành, Phi-đen và nhân dân Cu-Ba luôn ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam: *“Vì Việt Nam, Cu-Ba sẵn sàng hiến cả máu”.*

 - Cu-Ba đã cử các chuyên gia, bác sĩ nghiên cứu bệnh sốt rét, mổ cho các thương binh ở chiến trường.

 - Sau 1975, Cu-Ba đã giúp nhân dân Việt Nam xây dựng thành phố Vinh, bệnh viện Cu-Ba ở Đồng Hới (Quảng Bình).

**B. So sánh đặc điểm phong trào giải phóng dân tộc ở A, Phi, Mĩ La Tinh**

**\* Điểm giống:**

- Đều là các phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi sau chiến tranh thế giới thứ 2.

 - Lực lượng tham gia phong trào đông đảo

 - Hình thức đấu tranh: Phong phú

**\* Khác nhau:**

 - Mục tiêu đấu tranh:

+ Các nước Á, Phi trước chiến tranh thế giới thứ 2 đều là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân nên sau chiến tranh các nước Á, Phi đấu tranh **vì mục tiêu giành độc lập dân tộc.**

+ Cac nước Mĩ La Tinh: cúng từng bị các nước thực dân xâm lược nhưng cuối thế kỷ XIX đã giành được độc lập dân tộc nên sau sau chiến tranh thế giới thứ hai các nước này đấu tranh **để thoát khỏi sự lệ thuộc của Mĩ, thành lập các chính phủ dân tộc – dân chủ.**

1. **Ý nghĩa của phong trào giải phóng dân tộc:**

 - Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi và Mĩ Latinh đã giáng một đòn chính trị – tư tưởng mạnh mẽ vào hệ thống tư bản chủ nghĩa và đưa đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập. Hệ thống thuộc địa thế giới được hình thành trong thế kỷ XIX và tồn tại đến giữa thế kỷ XX đã bị sụp đổ. Bản đồ chính trị thế giới đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc.

 - Song bản đồ chính trị của các nước Á, Phi và Mĩ Latinh vẫn còn không ít mảng ảm đạm với các cuộc xung đột, chia rẽ kéo dài và cả những cuộc cải cách kinh tế – xã hội chưa mấy thành công.

**Chủ đề 2: Các nước tư bản Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu**

**MĨ:**

**1. Tình hình kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:**

**1.1.Giai đoạn 1945 - 1973:**

***\* Tình hình:***

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tư bản.

+ Trong khoảng nửa sau những năm 40, tổng sản phẩm quốc dân tăng trung bình hằng năm là 6%.

+ Công nghiệp: sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,5% năm 1948).

+ Nông nghiệp: Sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng của Anh + Pháp + Tây Đức + Italia + Nhật Bản.

+ Tài chính:Nắm ¾ trữ lượng vàng trên toàn thế giới. Là nước chủ nợ thế giới.

+ Hơn 50% tàu bè đi lại trên biển.

🡪 Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất của thế giới.

***\* Nguyên nhân:***

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, khí hậu thuận lợi.

- Mĩ có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.

- Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai muộn hơn, tổn thất ít hơn so với nhiều nước khác. Hơn nữa, Mĩ còn lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí.

- Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại của thế giới. Việc áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng này đã cho phép Mĩ nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất.

- Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao, cạnh tranh có hiệu quả ở trong và ngoài nước.

- Các chính sách và hoạt động điều tiết của nhà nước có hiệu quả.

**1.2. Giai đoạn 1973 – 1991:**

***\* Tình hình:***

- Từ những năm 70 trở đi, tuy vẫn còn đứng đầu thế giới về nhiều mặt nhưng Mĩ không còn giữ ưu thế tuyệt đối.

+ Công nghiệp chỉ còn chiếm 39,8% thế giới.

+ Dự trữ vàng cạn dần.

***\* Nguyên nhân:***

- Sau khi khôi phục kinh tế, các nước Tây Âu và Nhật Bản đã vươn lên mạnh mẽ và trở thành những trung tâm kinh tế ngày càng cạnh tranh gay gắt với Mĩ.

- Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải những cuộc suy thoái khủng hoảng.

- Chi phí quân sự lớn do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

- Chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội là nguồn gốc gây nên sự không ổn định về kinh tế và xã hội ở Mĩ.

**2. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật Mĩ sau chiến tranh:**

Nước Mĩ là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai, diễn ra từ giữa những năm 40 của thế kỉ XX. Đồng thời, Mĩ cũng là nước đi đầu về khoa học - kĩ thuật và công nghệ trên thế giới, đạt nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn đối với đời sống con người:

+ Sáng chế ra các công cụ sản xuất mới: máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động.

+ Tìm ra các nguồn năng lượng mới: nguyên tử và mặt trời...

+ Sản xuất ra những vật liệu tổng hợp mới: chất dẻo pôlime.

+ Cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

+ Cách mạng trong giao thông và thông tin liên lạc, trong công cuộc chinh phục vũ trụ (đưa người lên mặt trăng...)

+ Sản xuất ra các loại vũ khí hiện đại.

Những thành tựu trong khoa học-kĩ thuật, công nghệ được Mĩ áp dụng vào trong sản xuất. Kết quả là kinh tế Mĩ tăng trưởng nhanh chóng, nâng cao thu nhập, làm đời sống tinh thần, vật chất của người dân được nâng cao.

**3. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh:**

**3.1. Đối nội:**

- Duy trì và bảo vệ chế độ tư bản, hai đảng Dân chủ và Cộng hòa thay nhau lên cầm quyền.

- Chính trị – xã hội không hoàn toàn ổn định: mâu thuẫn giai cấp, xã hội và sắc tộc…

- Đấu tranh giai cấp, xã hội ở Mĩ diễn ra mạnh mẽ:Đảng Cộng sản Mĩ đã có nhiều hoạt động đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

**3.2. Đối ngoại:**

- Dựa vào sức mạnh quân sự, kinh tế để triển khai “chiến lược toàn cầu” với tham vọng làm bá chủ thế giới. Tháng 3 – 1947, trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống **Truman**công khai tuyên bố: *“Sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản”*.

- Mục tiêu:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội.

+ Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình, dân chủ trên thế giới.

+ Khống chế, chi phối các nước đồng minh.

- Khởi xướng cuộc “chiến tranh lạnh”, dẫn đến tình trạng đối đầu căng thẳng và nguy hiểm với Liên Xô, gây ra hàng loạt cuộc chiến tranh xâm lược, bạo loạn, lật đổ … trên thế giới (Việt Nam, Cuba, Trung Đông…).

- Để thực hiện “chiến lược toàn cầu” Mĩ tiến hành “viện trợ” để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ, lập các khối quân sự, chạy đua vũ trang, gây chiến tranh xâm lược.

Trong việc thực hiện “Chiến lược toàn cầu” Mĩ đã gặp nhiều thất bại nặng nề, tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mặt khác, Mĩ cũng thực hiện thành công phần nào mưu đó của mình, như góp phần làm tan rã chế độ CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Sau khi Liên Xô tan rã, Mĩ ráo riết thiết lập trật tự thế giới mới “đơn cực” nhưng thất bại.

NHẬT BẢN

**1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh:**

Kết thúc chiến tranh thế giới thứ 2, Nhật Bản là nước thua trận và lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Nhật Bản bị quân đội nước ngoài (Mỹ) chiếm đóng. Nền kinh tế đã bị giáng một đòn nghiêm trọng vào nền kinh tế với tổng tài sản thiệt hại 25,4 % và nặng nhất đó là ngành công nghiệp đóng tàu chủ lực thiệt hại gần 80,3 % so với thời kỳ trước chiến tranh.

Mặc dù, Nhật Bản không bị quân đồng minh hoặc bất cứ nước nào xâm lược vào tàn phá nhưng 2 quả bom nguyên tử “Cậu nhỏ” và “Thằng béo” của Mỹ đều nhắm vào những trung tâm công nghiệp sản xuất của Nhật Bản, trong đó có trái tim ngành công nghiệp Nhật Bản là Osaka. Do đó gây ra sự thiệt hại khủng khiếp. Kinh tế thiệt hại nặng nề.

Tuy nhiên, ngay sau chiến tranh, Nhật Bản đã bước lên từ đống đổ nát, từ sự kiệt quệ để vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới trong suốt phần còn lại của thế kỷ 20 và kéo dài sang đầu thế kỷ 21 thì tụt về vị trí thứ 3.

**2. Cuộc cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai:**

**2.1. Nội dung:**

- Ban hành Hiến pháp 1946 với nhiều nội dung tiến bộ.

- Cải cách ruộng đất (1946 – 1949).

- Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị các tội phạm chiến tranh.

- Giải giáp lực lượng vũ trang.

- Giải thể các công ty độc quyền lớn.

- Thanh lọc các phần tử phát xít ra khỏi cơ quan nhà nước.

- Ban hành các quyền tự do dân chủ.

**2.2. Ý nghĩa:**

- Chuyển từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ, tạo nên sự phát triển thần kì về kinh tế.

- Mạng lại niềm hi vọng mới đối với các tầng lớp nhân dân, là nhân tố quan trọng đưa nước Nhật phát triển mạnh mẽ sau này.

**3. Tình hình kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai:**

**3.1. Thuận lợi:**

- Chính phủ Nhật Bản tiến hành một loạt các cải cách dân chủ.

- Nhờ những đơn đặt hàng *“béo bở”* của Mĩ trong hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam. Đây được coi là *“ngọn gió thần”* đối với kinh tế Nhật.

**3.2. Thành tựu:**

- Từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX trở đi, nền kinh tế Nhật tăng trưởng một cách *“thần kì”*, vượt qua các nước Tây Âu, Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa:

+ Về tổng sản phẩm quốc dân: năm 1950 chỉ đạt được 20 tỉ USD, nhưng đến năm 1968 đó đạt tới 183 tỉ USD, vươn lên đứng thứ hai thế giới sau Mĩ.

+ Năm 1990, thu nhập bình quân đầu người đạt 23.796 USD, vượt Mĩ đứng thứ hai thế giới sau Thuỵ Sĩ (29.850 USD).

+ Về công nghiệp, trong những năm 1950 - 1960, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 15%, những năm 1961 - 1970 là 13,5%.

+ Về nông nghiệp, những năm 1967 - 1969, Nhật tự cung cấp được hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước.

- Tới những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

**3.3 Nguyên nhân của sự phát triển:**

*- Nguyên nhân khách quan:*

+ Điều kiện quốc tế thuận lợi: sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới, những thành tựu tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

+ Hai “ngọn gió thần” từ những đơn đặt hàng sản xuất vũ khí phục vụ cho các cuộc chiến tranh của Mỹ ở Triều Tiên và Việt Nam.

+ Trong thời kì Chiến tranh lạnh, Nhật Bản dưới cái “ô bảo hộ hạt nhân” của Mỹ chỉ dành 1% tổng sản phẩm quốc dân cho những chi phí quân sự (trong khi các nước khác chi phí quân sự là 4 – 5%, thậm chí có nước lên tới 20%) 🡪 cò điều kiện tập trung vào phát triển kinh tế.

*- Nguyên nhân chủ quan:***có ý nghĩa quyết định.**

+ Truyền thống văn hóa, giáo dục lâu đời của người Nhật – sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

+ Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ty Nhật Bản.

+ Vai trò điều tiết của nhà nước: đề ra các chiến lược phát triển kinh tế vĩ mô; biết sử dụng, tận dụng hợp lý các nguồn vay, vốn đầu tư nước ngoài; nắm bắt đúng thời cơ.

+ Con người Nhật bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm.

**3.4. Khó khăn:**

Nền kinh tế Nhật Bản gặp nhiều hạn chế, khó khăn.

- Nghèo tài nguyên, hầu hết năng lượng, nguyên vật liệu đều phải nhập từ bên ngoài.

- Nền kinh tế mất cân đối, thường xuyên vấp phải những cuộc suy thoái.

- Mặt khác, Nhật Bản vấp phải sự cạnh tranh, chèn ép của Mĩ, Tây Âu và nhiều nước công nghiệp mới nổi.

**3.5. Bài học kinh nghiệm:**

Có thể nói, sự tăng trưởng “thần kì” của nền kinh tế Nhật đã để lại sự kính nể của bạn bè thế giới. Bài học về khắc phục chiến tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển của Nhật Bản là bài học quý giá đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay.

- Coi trọng việc đầu tư phát triển khoa học công nghệ và giáo dục.

- Phát huy nhân tố con người, đạo đức lao động, sử dụng tối đa tiềm năng sáng tạo của con người.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát huy truyền thống tự lực tự cường

- Tăng cường vai trò Nhà nước trong quản lí kinh tế: Lựa thời cơ xây dựng chiến lược kinh tế, thay đổi linh hoạt cơ cấu kinh tế, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của nước ngoài vào các ngành then chốt, mũi nhọn…

- Quản lí doanh nghiệp một cách năng động, có hiệu quả. Biết thâm nhập thị trường thế giới, đạt hiệu quả cao trong cạnh tranh.

Trong các nguyên nhân đó, yếu tố con người và khoa học – kĩ thuật là quan trọng và cơ bản để đưa tới sự phát triển.

**4. Chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh:**

**4.1 Chính sách đối nội:**

- Vai trò của Nhật hoàng chỉ còn trên danh nghĩa.

- Các đảng phái công khai hoạt động, phong trào bãi công và phong trào dân chủ phát triển mạnh.

**4.2. Chính sách đối ngoại:**

- Nhật Bản hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh, kí với Mĩ *“Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật”*, chấp nhận đặt dưới *“ô bảo hộ hạt nhân”* của Mĩ, để Mĩ đóng quân, xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản. Nhờ đó, đầu tư cho chi phí quân sự của Nhật Bản rất hạn chế, tạo điều kiện cho Nhật tập trung vào việc phát triển kinh tế.

- Trong những năm gần đây, giới cầm quyền Nhật Bản thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị, tiến hành đầu tư và viện trợ cho các nước, đặc biệt là các nước Đông Nam Á.

- Ngày nay, Nhật Bản đang nỗ lực vươn lên trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế của mình, như: phấn đấu trở thành ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, giành quyền đăng cai các hội nghị quốc tế, tích cực đóng góp tài chính cho những hoạt động quốc tế của Liên hợp quốc

**CÁC NƯỚC TÂY ÂU**

**1. Tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai:**

**\* Về kinh tế:**

 - Trong chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề: sản xuất công – nông nghiệp đều giảm , các nước đều mắc nợ .

- Để khôi phuc kinh tế năm 1948, 16 nước Tây Âu phải nhận viện trợ của Mĩ theo kế hoạch “phục hưng châu Âu” òn gọi là kế hoạch Mác san hay với tổng số tiền là 17 tỉ đô la. Để nhận viện trợ của Mĩ các nước Tây Âu phải tuân thủ những điều kiện mà Mĩ đưa ra:

+ Không dược tiến hành quốc hữu hóa các nhà máy, xí nghiệp

+ Hạ thuế quan đối với hàng hóa Mĩ nhập vào

+ Gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ

Nhờ đó kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi nhưng lệ thuộc vào Mĩ.

**\* Về đối nội:**

 - Giai cấp tư sản cầm quyền luôn tìm cách thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xóa bỏ các cải cách tiến bộ, ngăn cản PT công nhân và dân chủ .

**\* Về đối ngoại:**

 - Nhiều nước Tây Âu tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược trở lại để khôi phục ách thống trị của mình đối với các nước thuộc địa trước đây.

 - Các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO), chạy đua vũ trang nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

\* Nước Đức bị phân chia làm hai: Cộng hòa liên bang Đức và Cộng hòa dân chủ Đức (1949).

Mĩ, Anh, Pháp dốc sức viện trợ cho Cộng hòa liên bang Đức. Nhờ đó, nền kinh tế Cộng hòa liên bang Đức phục hồi và phát triển nhanh chóng vươn lên đứng hàng thứ ba trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Ngày 3/10/1990, nước Đức được thống nhất, trở thành quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất Tây Âu.

**2**. **Sự liên kết khu vực:**

**2.1. Nguyên nhân:**

- Các nước Tây Âu đều có chung một nền văn minh, có nền kinh tế không cách biệt nhau lắm và từ lâu đã có mối liên hệ mật thiết với nhau.

- Trong xu thế toàn cầu hoá, đặc biệt là dưới tác động của cách mạng khoa học kĩ thuật, hợp tác phát triển là cần thiết nhằm mở rộng thị trường, giúp các nước Tây Âu tin cậy hơn về chính trị

- Từ năm 1950, sau khi nền kinh tế được phục hồi và bắt đầu phát triển, các nước Tây Âu cần phải đoàn kết nhau lại để thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ và cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

**2.2. Quá trình liên kết:**

- Sau chiến tranh, xu hướng liên kết kinh tế giữa các nước trong khu vực ngày càng nổi bật và phát triển. Những mốc phát triển chính của xu hướng này là:

- Tháng 4-1951, “ Cộng đồng than thép châu Âu” được thành lập gồm 6 nước : Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

- Tháng 3-1957, “ Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “cộng đồng kinh tế châu Âu” ( EEC) được thành lập gồm 6 nước trên.

- Tháng 7-1967, “ Cộng đồng châu Âu” ( EC) ra đời trên cơ sở sát nhập ba cộng đồng trên .

- Sau 10 năm chuẩn bị , tháng 12-1991 các nước EC họp hội nghị cấp cao tại ma-a-xtơ-rích ( Hà Lan) . Hội nghị đã thông qua hai quyết định quan trọng : Xây dựng một liên minh kinh tế và một liên minh chính trị , tiến tới một nhà nước chung châu Âu.

Theo đòi hỏi của sự phát triển, cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành liên minh châu Âu ( EU) và từ ngày 1-1-1999 phát hành đồng tiền chung châu Âu được với tên gọi là đồng (EURO).

Tới nay liên minh châu Âu là một liên minh kinh tế- chính trị lớn nhất thế giới , trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới, có tổ chức chặt chẽ nhất .Năm 1999 số nước thành viên là 15 , đến năm 2004 là 25 nước thành viên , năm 2007 là 27 nước thành viên.

- Tháng 10 - 1990, Eu thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam .

- Tháng 7-1995, EU và VN kí hiệp ước hợp tác toàn diện.

 ***\* Những điểm giống và khác trong chính sách đối ngoại cảu Mĩ, Nhật, Tây Âu :***

**– Những điểm chung :**

+ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 80 : chiến tranh lạnh, đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa…

+ Từ sau những năm 80 đến năm 1991 : tạo điều kiện cho xu thế đối thoại, hòa hoãn dẫn tới chấm dứt chiến tranh lạnh…

+ Chính sách đối ngoại của các nước đều có sự điều chỉnh qua các thời kì cho phù hợp với tình hình trong nước và thế giới. Tây Âu và Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**– Những điểm riêng :**

+ Pháp, Đức trở thành đối trọng với Mĩ…

+ Tây Âu mở rộng quan hệ quốc tế với các nước ở Á, Phi, Mĩ Latinh…

+ Nhật Bản củng cố mối quan hệ với các nước Đông Nam Á trong các lĩnh vực…

->Trong khi liên kết với nhau giữa các nước Mĩ, Nhật, Anh, Đức… ngày càng vươn lên cạnh tranh gay gắt với nhau thì nhiều mặt, đặc biệt về kinh tế, dẫn đến sự hình thành ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (Nhật, Tây Âu, Mĩ).

***\* Bài học rút ra cho Việt Nam từ sự phát triển kinh tế của các nước***

- Coi trọng việc đầu tư phát triển khoa học công nghệ và giáo dục.

- Áp dụng KH – KT hiện đại để tăng năng suất lao động

- Phát huy nhân tố con người, đạo đức lao động, sử dụng tối đa tiềm năng sáng tạo của con người.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát huy truyền thống tự lực tự cường

- Tăng cường vai trò Nhà nước trong quản lí kinh tế: Lựa thời cơ xây dựng chiến lược kinh tế, thay đổi linh hoạt cơ cấu kinh tế, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của nước ngoài vào các ngành then chốt, mũi nhọn…

- Quản lí doanh nghiệp một cách năng động, có hiệu quả. Biết thâm nhập thị trường thế giới, đạt hiệu quả cao trong cạnh tranh.

Trong các nguyên nhân đó, yếu tố con người và khoa học – kĩ thuật là quan trọng và cơ bản để đưa tới sự phát triển.

**Chủ đề 3: QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**I. Sự hình thành trật tự thế giới mới:**

 - Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên thủ của ba cường quốc là Liên Xô, Anh, Mĩ đã có cuộc gặp gỡ tại I-an-ta từ 4 đến 11-2-1945.

 **+ Nội dung hội nghị:**

Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ:

 - Về việc kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai: Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, chủ nghĩa quân phiệt Nhật để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

 - Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để giữ gìn hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

 - Thoả thuận việc đóng quân tại các nước phát xít bại trận và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước chiến thắng.

+ Hệ quả: Những quyết định trên của Hội nghị I-an-ta đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới được gọi là “Trật tự hai cực I-an-ta” do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.

 **II. Sự thành lập Liên hợp quốc: (tháng 10 - 1945)**

 **\* Nhiệm vụ:**

 - Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

 - Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc.

 - Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo.

 **\* Nguyên tắc hoạt động:**

 - Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của các dân tộc.

 - Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

 - Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

 - Chung sống hòa bình và sự nhất trí của cả 5 nước thường trực trong Hội đồng Bảo an (Mĩ, Anh, Pháp, Liên Xô (nay là liên bang Nga), Trung Quốc).

 **\* Vai trò của Liên hợp quốc:**

 Từ năm 1945 đến nay, Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất (số thành viên hiện nay là 193 nước), giữ vai trò quan trọng trong việc:

 - Giữ giữ hoà bình, an ninh quốc tế. Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

 - Đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

 - Phát triển các mối quan hệ, giao lưu giữa các quốc gia.

 - Giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật..., nhất là đối với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

 **\* Việt Nam – Liên hợp quốc:**

 - Tháng 9/1977, Việt Nam tham gia Liên hợp quốc, trở thành thành viên thứ 149.

 - Ngày 16/10/2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 – 2009.

- Liên hợp quốc đã giúp đỡ Việt Nam thông qua các cơ quan chuyên môn:

 Liên hợp quốc đã có nhiều hoạt động giúp đỡ nhân dân Việt Nam như : chăm sóc trẻ em, các bà mẹ có thai và nuôi con nhỏ, tiêm chủng phòng dịch, đào tạo nguồn nhân lực, các dự án trồng rừng, cải cách hành chính, các vùng bị thiên tai, ngăn chặn đại dịch AIDS, giáo dục...

 + Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP)

 + Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF)

 + Tổ chức Nông lương thế giới (FAO)

 + Tổ chức y tế thế giới (WHO)...

 **III. Chiến tranh lạnh**

 - Sau chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra sự đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường là Mĩ với Liên Xô và hai phe TBCN với XHCN, mà đỉnh điểm là tình trạng chiến tranh lạnh.

 - Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN.

 - Những biểu hiện của Chiến tranh lạnh là: Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập các khối và căn cứ quân sự, tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ.

 - **Hậu quả**

 + Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng .

 + Các cường quốc chi cho quân sự số tiền khổng lồ-chế tạo vũ khí huỷ diệt trong khi đó hàng tỉ người còn đang bị đói, bệnh dịch …

 **IV.Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh**

 **. Xô – Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh:**

 - Cuộc chạy đua vũ trang trong suốt 40 năm đã làm cho hai nước Xô – Mĩ đều suy giảm mạnh về nhiều mặt so với các nước đế quốc khác, nhất là Nhật Bản và Tây Âu.

 - Xô – Mĩ muốn thoát khỏi thế đối đầu và có cục diện để vươn lên đối phó với Đức, Nhật Bản và khối thị trường chúng châu Âu.

 - Hai nước Xô – Mĩ cần hợp tác để góp phần quyết định những vấn đề bức thiết của toàn cầu.

 - Cuộc khoa học – kĩ thuật và sự giao lưu quốc tế về kinh tế, thương mại, văn hoá ngày càng phát triển rộng rãi. Cuộc “chiến tranh kinh tế” mang tính toàn cầu đòi hỏi phải có cục diện ổn định, đối thoại, hợp tác cùng phát triển.

 Do đó, tháng 12/ 1989, tổng thống Mĩ Goóc-giơ Bu-sơ và Bí thư đảng cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp có cuộc gặp gỡ tại Man-ta (Địa Trung hải), hai bên cùng bàn và đi đến chấm dứt chiến tranh lạnh.

 **- Tình hình thế giới sau hiến tranh lạnh:**

 + Xu thế hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

 + Xác lập trật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm kinh tế.

 + Các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm.

 + Nhiều khu vực xảy ra cuộc xung đột quân sự, nội chiến…

 ***=> xu thế chung của thế giới ngày nay là hòa bình ổn định và hợp tác phát triển.***

 **\* Xu thế Hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển** **vừa là thời cơ, vừa là thách thức của các dân tộc. Nhiệm vụ của nước ta hiện nay là gì.**

 *+ Thời cơ:*

 - Mở rộng thị trường

 - Tiếp thu thành tựu KH- KT tiên tiến, khai thác nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.

 - Rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước với các nước trong khu vực và thế giới.

 - Mở rộng giao lưu hợp tác về văn hóa, giáo dục, y tế ...

 *+ Thách thức*:

 - Phần lớn các nước đang phát triển đều từ điểm xuất phát thấp về kinh tế , trình độ dân trí thấp, nguồn nhân lực đào tạo có chất lượng còn nhiều hạn chế.

 - Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế còn nhiều bất bình đẳng gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

 - Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ vẫn còn bất hợp lí .

 - Vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp hài hòa giữa truyển thống và hiện đại, nếu không có chính sách đúng đắn , phù hợp sẽ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

 + *Nhiệm vụ to lớn nhất của nhân dân ta hiện nay*: tập trung sức lực triển khai lực lượng sản xuất, làm ra nhiều của cải vật chất để chiến thắng đói nghèo và lạc hậu, đem lại ấm no, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

**CHỦ ĐỀ 4: CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT LẦN HAI**

**1. Nguồn gốc cuộc CM KH-KT thế giới.**

 - Do yêu cầu của cuộc sống, của sản xuất.

 - Những năm gần đây, nhân loại đang đứng trước những vấn đề to lớn: bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới đối với khoa học - kĩ thuật như tìm ra công cụ sản xuất mới có kĩ thuật cao, nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới...

 - Dựa trên những thành tựu to lớn về KH-KT cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

 - Do nhu cầu phục vụ chiến tranh.

- Vào những năm 40 của thế kỷ XX cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần 2 diễn ra đầutiên tại Mĩ sôi nổi với những nội dung phong phú và toàn diện.

**2. Đặc điểm.**

 **-** Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật… Vì vậy, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

 - Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn.

 - Hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. Đầu tư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư các lĩnh vực khác.

 ***3 Các nước cần có biện pháp gì để hạn chế các tác động tiêu cực?Liên hệ nhiệm vụ của nhà nước và thế hệ trẻ trước sự phát triển của KH-KT?***

**\* Biện pháp hạn chế tiêu cực** :

- Con người phải nghiên cứu để khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên

- Sử dụng những thành tựu KHKT một cách hợp lý và đúng mục đích hòa bình và nhân đạo.

- Chung tay góp phần khắc phục những hậu quả của việc nguồn tài nguyên cạn kiệt,ô nhiễm môi trường bằng những hành động cụ thể, thiết thực.

**\* Liên hệ :**

**-** Nhận thức đúng về vai trò , vị trí của cách mạng khoa học kĩ thuật đối với cuộc sống nói chung và công cuộc công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước hiện nay.

- Ra sức học tập tu dưỡng , rèn luyện để chiếm lĩnh những tri thức của nhân loại.

- Nâng cao khả năng vận dungj kiến thức đã học, áp dụng vào cuộc sông -> học đi đôi với hành.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi : bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh, bảo vệ môi trường.

- Nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông, tuyên truyền, vận động những người xung quanh cùng thực hiện.